SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HKI**

**TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN CỪ MÔN GDCD LỚP 11**

 **NĂM HỌC 2019 – 2020**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:**

**BÀI 4: CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT**

**VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA**

**Câu 1**: Cạnh tranh là sự

A. ganh đua giữa các chủ thể kinh tế.

B. đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế.

C. ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế.

D. chạy đua giữa các chủ thể kinh tế.

**Câu 2**: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh là giành

A. nguồn nguyên liệu và các nguồn lực sản xuất khác.

B. ưu thế về khoa học và công nghệ.

C. thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng khác.

D. lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác.

**Câu 3**: Nội dung nào dưới đây **không** phải là mục đích của cạnh tranh?

A. Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực sản xuất khác.

B. Giành ưu thế về khoa học và công nghệ.

C. Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng.

D. Khai thác tối đa mọi tiềm năng sáng tạo của con người.

**Câu 4:** Nội dung cốt lõi của cạnh tranh được thể hiện ở những khía cạnh nào?

A. Tính chất, nguyên nhân, chủ thể của cạnh tranh.

B. Tính chất, nguyên nhân, mục đích của cạnh tranh.

C. Nguyên nhân, tính hai mặt của cạnh tranh.

D. Tính chất, các chủ thể kinh tế và mục đích của cạnh tranh.

**Câu 5:** Việc giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác là biểu hiện của

A. tính chất của cạnh tranh. B. mục đích của cạnh tranh.

C. quy luật của cạnh tranh. D. chủ thể của cạnh tranh.

**Câu 6:** Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh; có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau là nội dung của

A. khái niệm cạnh tranh. B. nguyên nhân cạnh tranh.

C. mục đích cạnh tranh. D. tính hai mặt của cạnh tranh.

**Câu 7**: Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học kĩ thuật phát triển và năng suất lao động xã hội tăng lên là biểu hiện của nội dung nào dưới đây?

A. Nguyên nhân của cạnh tranh. B. Mặt tích cực của cạnh tranh.

C. Mặt hạn chế của cạnh tranh. D. Mục đích của cạnh tranh.

**Câu 8:** Mạng di động A khuyến mãi giảm 50% giá trị thẻ nạp, một tuần sau mạng B và C cũng đưa ra chương trình khuyến mãi tương tự. Hiện tượng này phản ánh quy luật nào dưới đây của thị trường?

A. Quy luật cung cầu. B. Quy luật cạnh tranh.

C. Quy luật lưu thông tiền tệ. D. Quy luật giá trị.

**Câu 9:** Cạnh tranh lành mạnh là đúng pháp luật

A. mang tính nhân văn của con người.

B. gắn liền với mặt tích cực.

C. kích thích kinh tế thị trường phát triển.

D. mang tính nhân văn, kích thích kinh tế phát triển.

**Câu 10:** Nội dung nào dưới đây thể hiện mặt tích cực của cạnh tranh?

A. Chạy theo lợi nhuận vi phạm quy luật tự nhiên.

B. Giành giật khách hàng và lợi nhuận bằng thủ đoạn phi pháp bất lương.

C. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước.

D. Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.

**Câu 11**: Phương án nào dưới đây **không** phải là mặt hạn chế của cạnh tranh?

A. Chạy theo lợi nhuận vi phạm quy luật tự nhiên.

B. Giành giật khách hàng và lợi nhuận bằng thủ đoạn phi pháp bất lương.

C. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước.

D. Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.

**Câu 12:** Chạy theo mục tiêu lợi nhuận một cách thiếu ý thức vi phạm quy luật tự nhiên trong khai thác tài nguyên làm cho

A. môi trường suy thoái. B. trái đất nóng lên.

C. biến đổi khí hậu. D. hiệu ứng nhà kính.

**Câu 13:** Là nhà sản xuất kinh doanh, muốn thắng thế trong cạnh tranh em sẽ chọn cách làm nào dưới đây?

A. Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học kĩ thuật phát triển.

B. Đầu cơ tích trữ, giành giật thị trường, khách hàng.

C. Khai thác tối đa thời gian làm việc của người lao động.

D. Phân phối lại nguồn hàng từ nơi có giá cả thấp đến nơi có giá cả cao.

**Câu 14:** Phương án nào dưới đây **không** phải là nội dung cốt lõi của cạnh tranh?

A. Tính chất của cạnh tranh. B. Các chủ thể kinh tế tham gia cạnh tranh.

C. Mục đích của cạnh tranh. D. Tính hai mặt của cạnh tranh.

**Câu 15**: Nội dung nào dưới đây là nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

A. Tồn tại nhiều chủ sở hữu giống nhau về lợi ích kinh tế.

B. Tồn tại nhiều chủ sở hữu giống nhau về trình độ quản lí.

C. Tồn tại nhiều chủ sở hữu có điều kiện sản xuất giống nhau.

D. Tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất kinh doanh có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.

**Câu 16:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cạnh tranh giữ vai trò là

A. một đòn bẩy kinh tế. B. cơ sở sản xuất hàng hóa.

C. một động lực kinh tế. D. nền tảng của sản xuất hàng hóa.

**Câu 17:** Trong sản xuất và kinh doanh cạnh tranh nhằm mục đích

A. thu nhiều lợi nhuận. B. tránh thua lỗ.

C. tránh rủi ro. D. tránh bị phá sản

**Câu 18:** Trên đường đi học về, H phát hiện thấy người khai thác gỗ trái phép. Là H, em sẽ chọn cách ứng xử nào dưới đây cho phù hợp với pháp luật?

A. Báo cho cơ quan có thẩm quyền.

B. Không làm gì vì không liên quan đến mình.

C. Khuyên họ không nên làm như thế vì đó là việc làm trái pháp luật.

D. Quay clip tung lên mạng câu like.

**Câu 19:** Công dân Q kinh doanh hàng quốc cấm thu nhiều lợi nhuận. Việc làm của công dân Q đã

A. thể hiện sự năng động trong kinh doanh.

B. không từ những thủ đoạn phi pháp bất lương.

C. đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.

D. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 20:** Để giành giật khách hàng và lợi nhuận một số người không từ những thủ đoạn phi pháp bất lương là thể hiện nội dung nào dưới đây?

A. Nguyên nhân của cạnh tranh. B. Mặt tích cực của cạnh tranh.

C. Mặt hạn chế của cạnh tranh. D. Mục đích của cạnh tranh.

**BÀI 5: CUNG – CẦU TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA**

**Câu 1:** Những nhu cầu có khả năng thanh toán được gọi là

A. nhu cầu. B. cầu. C. cung. D. tiêu dùng.

**Câu 2:** Cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì xác định tương ứng với giá cả và

A. thu nhập xác định. B. khả năng xác định.

C. nhu cầu xác định. D. sản xuất xác định.

**Câu 3:** Một chiếc xe máy trở thành cầu với anh A khi anh A

A. Có nhu cầu và sở thích. B. Có sở thích và có dự định mua sắm.

C. Có khả năng thanh toán. D. Có nhu cầu và có khả năng thanh toán.

**Câu 4:** Trong nền kinh tế hàng hoá khái niệm cầu được dùng để gọi tắt cho cụm từ nào dưới đây?

A. Nhu cầu của mọi người. B. Nhu cầu của người tiêu dùng.
C. Nhu cầu có khả năng thanh toán. D. Nhu cầu tiêu dùng hàng hoá.

**Câu 5:** Những yếu tố nào dưới đây ảnh hưởng đến cầu?

A. Giá cả, thu nhập, sở thích, tâm lý. B. Thu nhập, tâm lý, phong tục tập quán.
C. Giá cả, thu nhập, tâm lý, thị hiếu.

D. Giá cả, thu nhập, tâm lý, thị hiếu, phong tục tập quán.

**Câu 6:** Yếu tố nào dưới đây ảnh hưởng đến cung mang tính tập trung nhất?

A. Giá cả. B. Năng suất lao động.

C. Nguồn lực. D. Chi phí sản xuất.
**Câu 7:** Nhà sản xuất sẽ quyết định mở rộng sản xuất, kinh doanh khi

A. cung giảm. B. cầu giảm. C. cung tăng. D. cầu tăng.

**Câu 8:** Nhà sản xuất sẽ quyết định thu hẹp sản xuất, kinh doanh khi

A. cung giảm. B. cầu giảm. C. cung tăng. D. cầu tăng.

**Câu 9:** Thông qua pháp luật, chính sách… nhằm cân đối lại cung – cầu là sự vận dụng quy luật cung – cầu về phía

A. nhà nước. B. người sản xuất.

C. người kinh doanh. D. người tiêu dùng.

**Câu 10:** Thực chất quan hệ cung – cầu là mối quan hệ tác động

A. qua lại giữa cung và cầu hàng hóa trên thị trường.
B. qua lại giữa cung, cầu hàng hóa và giá cả trên thị trường.
C. giữa người mua và người bán hay người sản xuất và người tiêu dùng đang diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ.
D. qua lại giữa giá cả thị trường và cung, cầu hàng hóa.

**Câu 11:** Nội dung nào dưới đây thể hiện sự vận động của quan hệ cung - cầu?

A. Cung, cầu thường vận động không ăn khớp nhau.

B. Cung, cầu thường cân bằng.
C. Cung thường lớn hơn cầu.

D. Cầu thường lớn hơn cung.

**Câu 12:** Nội dung nào dưới đây thể hiện mối quan hệ cung và giá cả?

A. Giá cả tăng thì cung giảm. B. Giá cả tăng thì cung tăng.
C. Giá cả giảm thì cung tăng.

D. Giá biến động nhưng cung không biến động.

**Câu 13:** Mối quan hệ giữa số lượng cung và giá cả hàng hoá vận động

A. tỉ lệ thuận. B. tỉ lệ nghịch. C. bằng nhau. D. không liên quan.

**Câu 14:** Điều gì dưới đây sẽ xảy ra với cung khi trên thị trường lượng cầu tăng lên?

A. Lượng cung tăng. B. Lượng cung cân bằng.

C. Lượng cung giảm. D. Lượng cung giữ nguyên.

**Câu 15:** Điều gì sẽ xảy ra với cung khi trên thị trường lượng cầu giảm?

A. Lượng cung tăng. B. Lượng cung giảm.

C. Lượng cung cân bằng. D. Lượng cung giữ nguyên.

**Câu 16:** Giá cả thị trường của hàng hóa sẽ tăng khi

A. cung = cầu. B. cung > cầu. C. cung < cầu. D. cung khác cầu.

**Câu 17:** Khi là người bán hàng trên thị trường, để có lợi em chọn trường hợp nào dưới đây?

A. Cung = cầu. B. Cung > cầu.

C. Cung < cầu. D. Cung khác cầu.

**Câu 18:** Khi là người mua hàng trên thị trường, để có lợi em chọn trường hợp nào dưới đây?

A. Cung = cầu. B. Cung > cầu.

C. Cung < cầu. D. Cung khác cầu.

**Câu 19:** Khi cầu tăng, sản xuất kinh doanh mở rộng, cung tăng thuộc biểu hiện nào dưới đây của quan hệ cung – cầu?

A. Cung - cầu tác động lẫn nhau.

B. Cung - cầu ảnh hưởng tới giá cả thị trường.

C. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu.

D. Cung - cầu ảnh hưởng lẫn nhau.

**Câu 20:** Nội dung nào dưới đây **không**phải là biểu hiện của quan hệ cung - cầu?

A. Cung - cầu tác động lẫn nhau.

B. Cung - cầu ảnh hưởng tới giá cả thị trường.

C. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu.

D. Cung - cầu ảnh hưởng lẫn nhau.

**BÀI 6: CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ.**

**Câu 1:** Cuộc Cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất diễn ra vào thời gian nào dưới đây?

A. Thế kỷ VII. B. Thế kỷ XVIII. C. Thế kỷ XIX. D. Thế kỷ XX.

**Câu 2:** Cuộc Cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai diễn ra vào thời gian nào dưới đây?

A. Thế kỷ VII. B. Thế kỷ XVIII.

C. Thế kỷ XIX. D. Thế kỷ XX.

**Câu 3:** Cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ nhất gắn với quá trình chuyển từ

A. lao động thủ công lên lao động dựa trên công cụ cơ khí.

B. lao động thủ công lên lao động dựa trên công cụ tự động hóa.

C. lao động cơ khí lên lao động dựa trên công cụ tự động hóa.

D. lao động thủ công lên lao động dựa trên công cụ tiên tiến.

**Câu 4:** Cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ hai gắn với quá trình chuyển từ

A. lao động thủ công lên lao động dựa trên công cụ cơ khí.

B. lao động thủ công lên lao động dựa trên công cụ tiên tiến.

C. lao động thủ công lên lao động dựa trên công cụ tự động hóa.

D. lao động cơ khí lên lao động dựa trên công cụ tự động hóa.

**Câu 5:** Quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến hiện đại vào quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lí kinh tế xã hội là quá trình nào dưới đây?

A. Hiện đại hoá. B. Công nghiệp hoá.

C. Tự động hoá. D. Công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

**Câu 6:** Quá trình chuyển đổi căn bản các hoạt động sản xuất từ sử dụng sức lao động thủ công sang sử dụng sức lao động dựa trên sự phát triển của công nghiệp cơ khí là quá trình nào dưới đây?

A. Hiện đại hoá. B. Công nghiệp hoá.

C. Tự động hoá. D. Công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

**Câu 7:** Nội dung nào dưới đây nói lên tính tất yếu khách quan của CNH, HĐH ở nước ta hiện nay?

A. Do yêu cầu phải phát triển công nghiệp.

B. Do nước ta là nước nông nghiệp lạc hậu.

C. Do nước ta có nền kinh tế phát triển thấp.

D. Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

**Câu 8:** Công nghiệp hóa, hiện đại hóa có tác dụng

A. đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.

B. tạo điều kiện để phát triển lực lượng sản xuất và tăng năng xuất lao động xã hội.

C. tạo điều kiện để nước ta hội nhập kinh tế quốc tế.

D. nâng cao uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

**Câu 9:** Một trong những nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là phát triển mạnh mẽ

A. ngành công nghiệp cơ khí. B. khoa học kĩ thuật.

C. công nghệ thông tin. D. lực lượng sản suất.

**Câu 10:** Nội dung nào dưới đây có tính chất cốt lõi trong cơ cấu kinh tế?

A. Cơ cấu lãnh thổ kinh tế. B. Cơ cấu thành phần kinh tế.

C. Cơ cấu vùng kinh tế. D. Cơ cấu ngành kinh tế.

**Câu 11:** Đi đôi với chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng CNH–HĐH gắn với phát triển yếu tố nào dưới đây?

A. Kinh tế nông nghiệp. B. Kinh tế hiện đại.

C. Kinh tế tri thức. D. Kinh tế thị trường.

**Câu 12:** Chọn đáp án sai: Cơ cấu kinh tế là tổng thể quan hệ hữu cơ, phụ thuộc và quy định lẫn nhau về quy mô và trình độ của cơ cấu

A. kinh tế ngành. B. vùng kinh tế.

C. thành phần kinh tế. D. kinh tế nội bộ vùng.

**Câu 13:** Thành tựu nổi bật của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất là

A. điện. B. máy tính. C. máy hơi nước. D. xe lửa.

**Câu 14:** Thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất ứng dụng vào lĩnh vực nào dưới đây?

A. Nông nghiệp. B. Sản xuất. C. Dịch vụ. D. Kinh doanh.

**Câu 15:** Sự xuất hiện của công nghiệp hóa gắn liền với sự ra đời của lao động có tính chất

A. thủ công. B. cơ khí. C. tự động hóa. D. tiên tiến.

**Câu 16:** Sự xuất hiện của hiện đại hóa gắn liền với sự ra đời của lao động có tính chất

A. thủ công. B. cơ khí. C. tự động hóa. D. tiên tiến.

**Câu 17:** Ở nước ta phấn đấu đến năm nào thì cơ bản trở thành một nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại?

A. 2015. B. 2020. C. 2025. D. 2030.

**Câu 18:** Nhiệm vụ kinh tế cơ bản và trọng tâm nhất của nước ta hiện nay là

 A. công nghiệp hóa, hiện đại hóa. B. chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

C. xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật. D. phát huy nguồn nhân lực.

**Câu 19:** Nội dung nào dưới đây **không** phải tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa?

 A. Do phải xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

 B. Do phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu.

 C. Do yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

 D. Do nước ta nghèo và lạc hậu.

**Câu 20:** Yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu về kinh tế, kỹ thuật công nghệ giữa nước ta với các nước là một trong những

A. nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

B. tác dụng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

C. tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

D. trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**II. PHẦN TỰ LUẬN.**

**Câu 1:** Trình bày: khái niệm, nguyên nhân và mục đích của cạnh tranh?

**Câu 2:** Trình bày tính hai mặt của cạnh tranh?

**Câu 3:** Nêu khái niệm cung, cầu. Cho ví dụ?

**Câu 4:** Trình bày khái niệm và nội dung mối quan hệ cung, cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa?

**Câu 5:** Quan hệ cung – cầu hàng hóa được Nhà nước và các chủ thể sản xuất kinh doanh, tiêu dùng vận dụng như thế nào? Cho ví dụ?